



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02325/2026/PKQ (26.895)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường Long Hưng, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam
Thời gian lấy mẫu: 09/06/2026
Thời gian thử nghiệm: 09/06/2026 – 17/06/2026
Loại mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu ra của HT XLNT - Nhà máy XLNT TT KCN Phú Mỹ II
Toạ độ: X: 1167070 Y: 421540

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Độ màu ^(b)	Pt/Co	15	SMEWW 2120C:2017
2	pH ^(b)	-	6,9	TCVN 6492:2011
3	Nhu cầu oxi sinh hoá (BOD ₅) ^(b)	mg/L	14	SMEWW 5210B:2017
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	31	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	8	SMEWW 2540D:2017
6	Asen (As) ^(b)	mg/L	0,003	SMEWW 3125B:2017
7	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	SMEWW 3125B:2017
8	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	0,0008	SMEWW 3125B:2017
9	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0001)	SMEWW 3125B:2017
10	Cr ³⁺ ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 3125B:2017 + SMEWW 3500Cr.B:2017
11	Cr ⁶⁺ ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 3500Cr.B:2017
12	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	0,003	SMEWW 3125B:2017
13	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	0,113	SMEWW 3125B:2017

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
14	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	0,004	SMEWW 3125B:2017
15	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	0,121	SMEWW 3125B:2017
16	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	0,28	SMEWW 3111B:2017
17	CN ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 4500-CN.C&E:2017
18	Tổng Phenol ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,04)	TCVN 6216:1996
19	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
20	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	TCVN 6637 : 2000
21	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/L	0,65	SMEWW 4500-F.B&D:2017
22	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(b)	mg/L	0,073	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
23	Tổng Nito ^(b)	mg/L	8,5	TCVN 6624-2:2000
24	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	0,147	SMEWW 4500-P.B&E:2017
25	Clo dư ^(b)	mg/L	0,17	SMEWW 4500-Cl.G:2017
26	Coliform ^(b)	MPN/100mL	1,3 x 10 ²	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

Thời gian lấy mẫu: 15h40' ngày 09/06/2026

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Tuấn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.